

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,195.15	743	15,005,000
Được chi trong ngày					15,005,000
Đã chi trong ngày					15,005,000
1. Dịch vụ					1,499,400
1	Dịch vụ thu		0	386	0
2	Dịch vụ thu		4,200	357	1,499,400
3			0	357	0
2. Kho					2,372,112
 Ăn chính					2,372,112
1	Gạo tẻ	Kg	18,000	33	594,000
2	Sữa Dielac Super Star	Kg	254,016	7	1,778,112
3. Đi chợ					11,133,488
 Ăn sáng					3,855,600
1	Khoai lang	Kg	35,000	4	140,000
2	Khoai tây	Kg	22,000	5	110,000
3	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	5	125,000
4	Đậu Hà Lan	Hộp	50,000	2	100,000
5	Hành củ tươi	Kg	80,000	1	80,000
6	Tỏi	Kg	150,000	0.8	120,000
7	Dầu thực vật	Chai	50,000	1	50,000
8	Trứng cút	Quả	700	357	249,900
9	Đường cát	Kg	30,000	1.1	33,000
10	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1	25,000
11	Bánh mì Sandwich (Bánh mì lát)	Gói	20,000	37	740,000
12	Muối iốt	Gói	4,000	1.43	5,700
13	Đường phèn	Kg	35,000	0.8	28,000
14	Pate gan	Hộp	35,000	10	350,000
15	Ngò rí	Kg	50,000	1	50,000
16	Táo tàu	Kg	100,000	0.5	50,000
17	Nấm đông cô	Kg	400,000	0.5	200,000
18	Sườn non	Kg	180,000	7	1,260,000
19	Nước cốt dừa wonderfarm	Hộp	13,000	3	39,000
20	Hành lá	Kg	50,000	2	100,000
 Ăn chính					7,277,888
1	Nước dừa tươi	Kg	15,000	5	75,000
2	Bầu	Kg	20,000	13	260,000
3	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.2	96,000
4	Rau mồng tơi	Hộp	12,000	3	36,000
5	Tỏi	Kg	150,000	0.7	105,000
6	Mận	Kg	40,000	12	480,000
7	Dầu thực vật	Chai	50,000	2	100,000
8	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Quả	130,000	5.8	754,000
9	Tôm biển	Kg	195,000	5	975,000
10	Đường cát	Chai	30,000	1.5	45,000
11	Nước mắm cá loại I	Gói	25,000	1.4	35,000
12	Muối iốt	Gói	4,000	1.52	6,088
13	Rau tần ô	Kg	15,000	15	225,000
14	Ngò rí	Hộp	50,000	1.2	60,000

